



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	<b>2 - 4</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán</b>	<b>5</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	<b>6 - 9</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>10</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>11 - 12</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>13 - 35</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>36</b>

\*\*\*\*\*

# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Nhà Máy dầu Tường An thuộc Công ty dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam – Công ty TNHH MTV) theo Quyết định số 42/2004/QĐ-BCN ngày 04 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4103002698 ngày 27 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ nhất đến lần thứ 3 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam	96.799.000.000	51,00
Các cổ đông khác	93.003.000.000	49,00
<b>Cộng</b>	<b>189.802.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84.8) 38 153 950 – 38 153 972 - 38 153 941 - 38 151 102  
Fax : (84.8) 38 153 649 - 38 157 095  
Website : [www.tuongan.com.vn](http://www.tuongan.com.vn)  
E-mail : [tuongan@tuongan.com.vn](mailto:tuongan@tuongan.com.vn)  
Mã số thuế : 0303498754

Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy dầu Tường An	48/5 Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Nhà máy dầu Phú Mỹ	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Nhà máy dầu Vinh	135 Nguyễn Viết Xuân, phường Hưng Dũng, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
Chi nhánh tại Hưng Yên	Thôn Nghĩa Trai, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
VPĐD tại TP Hà Nội	Ô32, Lô 10, Khu DD Đền Lừ 1, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
VPĐD tại TP Đà Nẵng	08 Mai Hắc Đế, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
VPĐD Miền Tây	Khu DC 91B, KV 6, P. An Khánh, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói. Mua bán xuất nhập khẩu các loại máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến ngành dầu thực vật; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng; Sản xuất, mua bán các loại gia vị ngành chế biến thực phẩm, nước chấm, nước sốt (không sản xuất tại trụ sở); Sản xuất, mua bán các loại sản phẩm ăn liền (mì, bún, phở, bánh đa, cháo ăn liền); Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Kinh doanh khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức giao lưu, gặp mặt); Kinh doanh nhà ở (xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê).



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 36).

Trong kỳ Công ty đã chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2010 và 2011 là 30.368.320.000 VND theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 27 tháng 4 năm 2012.

Ngoài ra, Công ty cũng trích lập quỹ từ lợi nhuận 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 căn cứ vào điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số 65/NQ-HĐQT.12 ngày 27 tháng 4 năm 2012 với tỷ lệ trích của các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển : 10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu : 5% lợi nhuận sau thuế

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Tấn Nghiệp	Chủ tịch	24 tháng 4 năm 2007	04 tháng 5 năm 2012
Ông Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch	04 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	24 tháng 4 năm 2007	04 tháng 5 năm 2012
Ông Dương Tiến Đức	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	27 tháng 4 năm 2012
Ông Huỳnh Văn Nhó	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	27 tháng 4 năm 2012
Ông Hà Bình Sơn	Thành viên	26 tháng 4 năm 2010	-
Ông Dương Anh Tuấn	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Văn Tích Vĩnh	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Trương Huỳnh Bích	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	-

***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Văn Tích Vĩnh	Trưởng ban	24 tháng 4 năm 2007	04 tháng 5 năm 2012
Ông Nguyễn Đức Thuyết	Trưởng ban	04 tháng 5 năm 2012	-
Ông Nguyễn Đức Thuyết	Kiểm soát viên	24 tháng 4 năm 2007	04 tháng 5 năm 2012
Bà Ngô Bạch Mai	Kiểm soát viên	24 tháng 4 năm 2007	27 tháng 4 năm 2012
Ông Nguyễn Đình Ngân	Kiểm soát viên	27 tháng 4 năm 2012	-
Ông Hồ Minh Sơn	Kiểm soát viên	27 tháng 4 năm 2012	-

***Ban điều hành***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hà Bình Sơn	Tổng Giám đốc	30 tháng 12 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Lùng	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 01 năm 2012	-
Ông Dương Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	31 tháng 01 năm 2012	-
Ông Vũ Đức Thịnh	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	31 tháng 01 năm 2012	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Hùng Cường  
Chủ tịch

Ngày 13 tháng 8 năm 2012





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0706/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

**Kính gửi: CỐ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 26 tháng 7 năm 2012, từ trang 06 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**



**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

**Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0092/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2012



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>757.735.515.383</b>	<b>767.759.782.649</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>46.205.584.156</b>	<b>103.697.565.833</b>
1. Tiền	111		46.205.584.156	50.697.565.833
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	53.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>70.501.576.712</b>	<b>66.772.175.566</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	68.683.419.234	55.778.379.433
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	513.641.160	473.748.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.304.516.318	10.520.048.133
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>614.014.435.377</b>	<b>573.917.640.748</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	616.048.420.517	573.917.640.748
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(2.033.985.140)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.013.919.138</b>	<b>23.372.400.502</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	1.259.489.717	453.150.008
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		19.132.093.495	10.437.237.110
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	6.497.223.926	12.452.013.384
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		125.112.000	30.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>250.898.038.760</b>	<b>263.247.924.883</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>248.052.105.021</b>	<b>260.918.580.915</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	204.868.126.308	217.495.228.587
<i>Nguyên giá</i>	222		437.227.135.502	436.102.395.546
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(232.359.009.194)	(218.607.166.959)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25.787.858.813	26.427.525.203
<i>Nguyên giá</i>	228		33.490.882.138	33.490.882.138
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.703.023.325)	(7.063.356.935)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	17.396.119.900	16.995.827.125
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.824.000.000</b>	<b>1.248.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.824.000.000	1.824.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	-	(576.000.000)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.021.933.739</b>	<b>1.081.343.968</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	1.021.933.739	1.081.343.968
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.008.633.554.143</b>	<b>1.031.007.707.532</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>662.824.560.455</b>	<b>678.798.983.677</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>662.824.560.455</b>	<b>645.675.866.316</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	211.414.338.853	272.831.857.473
2. Phải trả người bán	312	V.16	395.875.575.615	318.835.838.399
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	4.149.031.009	1.582.745.337
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	4.240.687.836	15.771.360.283
5. Phải trả người lao động	315	V.19	18.205.465.428	14.126.028.846
6. Chi phí phải trả	316	V.20	20.667.028.383	3.041.801.646
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	3.166.452.305	14.850.335.734
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	5.105.981.026	4.635.898.598
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>33.123.117.361</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	-	32.958.217.648
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	164.899.713
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>345.808.993.688</b>	<b>352.208.723.855</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>345.808.993.688</b>	<b>352.208.723.855</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	189.802.000.000	189.802.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	103.750.274.960	101.227.265.504
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	8.102.230.959	8.102.230.959
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.24	8.378.011.272	7.116.506.544
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	35.776.476.497	45.960.720.848
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.008.633.554.143</b>	<b>1.031.007.707.532</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		712.800.000	1.657.147.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		76.891,18	1.002.028,37
Euro (EUR)		1,22	1,22
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2012



Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu



Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc





# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.936.711.428.768	2.164.263.564.143
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	8.161.958.910	4.972.707.997
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.928.549.469.858	2.159.290.856.146
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.761.882.367.434	1.972.410.015.695
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		166.667.102.424	186.880.840.451
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.783.749.511	1.943.297.649
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.262.896.439	32.028.965.554
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.671.224.393	26.236.376.877
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	107.359.605.966	113.349.631.080
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17.440.182.049	29.745.008.413
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.388.167.481	13.700.533.053
11. Thu nhập khác	31	VI.7	937.341.153	817.413.780
12. Chi phí khác	32	VI.8	97.093.270	5.833.637
13. Lợi nhuận khác	40		840.247.883	811.580.143
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.228.415.364	14.512.113.196
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	6.938.910.574	446.583.258
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	59.410.229	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>25.230.094.561</u>	<u>14.065.529.938</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.329</u>	<u>741</u>

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2012

Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.228.415.364	14.512.113.196
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9,10	14.754.818.697	14.137.869.774
- Các khoản dự phòng	03	V.6,13	1.457.985.140	384.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(846.791.369)	(1.260.896.749)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.671.224.393	26.236.376.877
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.265.652.225	54.009.463.098
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.581.246.740)	1.659.161.867
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(42.130.779.769)	(25.415.154.196)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		72.679.140.536	75.330.223.401
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(806.339.709)	(44.126.665)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(12.332.868.769)	(26.475.244.101)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.18	(984.121.116)	(2.870.881.814)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	300.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.22	(791.422.300)	(3.898.254.869)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>68.318.014.358</b>	<b>72.295.486.721</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.985.436.073)	(16.690.507.898)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	493.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		960.551.306	831.822.498
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.024.884.767)</b>	<b>(15.364.958.128)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	829.282.216.448	862.006.805.695
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15,23	(923.657.952.716)	(947.332.143.157)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.409.375.000)	(37.960.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(124.785.111.268)</b>	<b>(123.285.737.462)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(57.491.981.677)</b>	<b>(66.355.208.869)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>103.697.565.833</b>	<b>122.472.958.201</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>46.205.584.156</b>	<b>56.117.749.332</b>

*Nguyễn Phương Thảo*

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu

*Vũ Đức Thịnh*

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** **6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các loại hạt có dầu, thạch dừa; Sản xuất, mua bán các loại bao bì đóng gói; Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng...
4. **Nhân viên**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 759 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 800 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng nhưng hạch toán phụ thuộc. Các đơn vị trực thuộc hạch toán dưới hình thức báo sổ và tập hợp chứng từ phát sinh về văn phòng công ty để hạch toán và lưu giữ chứng từ.

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào đánh giá cụ thể về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc và thiết bị	5 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 7



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại KCN Phú Mỹ I (Bà Rịa – Vũng Tàu) được khấu hao theo thời gian còn lại tính từ khi dự án đi vào hoạt động.

#### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

### 8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### 10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

### 11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

### 12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 13. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	10%	-
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	5%	-
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ

### 14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD  
30/6/2012 : 20.828 VND/USD

### 16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 17. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý, tài sản tài chính khác được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **18. Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính này được xác định theo giá trị hợp lý.

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

### **19. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.209.401.257	1.607.942.239
Tiền gửi ngân hàng	44.996.182.899	49.089.623.594
Các khoản tương đương tiền	-	53.000.000.000
(Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		
<b>Cộng</b>	<b><u>46.205.584.156</u></b>	<b><u>103.697.565.833</u></b>

#### 2. Phải thu khách hàng

Phải thu các khách hàng tiền bán sản phẩm.

#### 3. Trả trước cho người bán

Khoản ứng trước hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	16.666.667
Trị giá vật liệu hỏng chờ giải quyết	635.312.678	635.312.678
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	669.203.640	9.868.068.788
<b>Cộng</b>	<b><u>1.304.516.318</u></b>	<b><u>10.520.048.133</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	48.868.350.172	-
Nguyên liệu, vật liệu	345.301.971.420	344.163.455.201
Công cụ, dụng cụ	449.508.550	370.181.663
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	86.691.316.769	55.424.871.107
Thành phẩm	133.890.719.316	172.493.095.243
Hàng hóa	846.554.290	1.466.037.534
<b>Cộng</b>	<b><u>616.048.420.517</u></b>	<b><u>573.917.640.748</u></b>

Một phần hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay nợ của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với giá trị không dưới 4.500.000 USD (xem thuyết minh số V.15)

### 6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho thành phẩm dầu xá.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	2.033.985.140	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.033.985.140</u></b>	<b><u>-</u></b>

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Giá trị công cụ dụng cụ còn phải phân bổ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	453.150.008	138.364.999
Chi phí phát sinh trong kỳ	1.884.529.046	302.400.000
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(1.078.189.337)	(258.273.335)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.259.489.717</u></b>	<b><u>182.491.664</u></b>

### 8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

### 9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	154.406.080.864	272.066.108.516	6.898.535.435	2.731.670.731	436.102.395.546
Tăng trong kỳ	608.589.268	879.782.232	-	96.771.798	1.585.143.298
Mua sắm mới	-	142.367.112	-	96.771.798	239.138.910
Đầu tư XD/CB hoàn thành	608.589.268	737.415.120	-	-	1.346.004.388
Giảm do thanh lý trong kỳ	(19.057.800)	(441.345.542)	-	-	(460.403.342)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>154.995.612.332</u></b>	<b><u>272.504.545.206</u></b>	<b><u>6.898.535.435</u></b>	<b><u>2.828.442.529</u></b>	<b><u>437.227.135.502</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.483.484.165	58.365.350.954	1.258.949.068	2.600.409.423	86.708.193.610
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	54.983.496.799	156.817.801.885	4.159.440.262	2.646.428.013	218.607.166.959
Khấu hao trong kỳ	5.139.815.438	8.601.900.938	350.417.004	23.018.927	14.115.152.307
Giảm do thanh lý trong kỳ	(19.057.800)	(344.252.272)	-	-	(363.310.072)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>60.104.254.437</b>	<b>165.075.450.551</b>	<b>4.509.857.266</b>	<b>2.669.446.940</b>	<b>232.359.009.194</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	99.422.584.065	115.248.306.631	2.739.095.173	85.242.718	217.495.228.587
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>94.891.357.895</b>	<b>107.429.094.655</b>	<b>2.388.678.169</b>	<b>158.995.589</b>	<b>204.868.126.308</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 67.272.742.281 VND và 8.769.115.239 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này (xem thuyết minh số V.15).

#### 10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	32.970.882.138	520.000.000	33.490.882.138
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.970.882.138</b>	<b>520.000.000</b>	<b>33.490.882.138</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	520.000.000	520.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	6.543.356.935	520.000.000	7.063.356.935
Khấu hao trong kỳ	639.666.390	-	639.666.390
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.183.023.325</b>	<b>520.000.000</b>	<b>7.703.023.325</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	26.427.525.203	-	26.427.525.203
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>25.787.858.813</b>	<b>-</b>	<b>25.787.858.813</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án đầu tư dây chuyền 5.000 chai/giờ	11.563.451.666	11.276.393.489
Dự án di dời xây lắp nhà xưởng 60 T	3.629.506.524	3.629.506.524
Các công trình khác	2.203.161.710	2.089.927.112
<b>Cộng</b>	<b>17.396.119.900</b>	<b>16.995.827.125</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	16.995.827.125	16.520.187.295
Chi phí phát sinh trong kỳ	1.746.297.163	15.010.258.898
Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	<u>(1.346.004.388)</u>	<u>(5.854.793.025)</u>
Số cuối kỳ	<u>17.396.119.900</u>	<u>25.675.653.168</u>

### 12. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	192.000	1.824.000.000	192.000	1.824.000.000

### 13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	576.000.000	96.000.000
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	480.000.000
Hoàn nhập dự phòng	<u>(576.000.000)</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>576.000.000</u>

### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.081.343.968	1.200.164.425
Hoàn nhập trong kỳ	<u>(59.410.229)</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>1.021.933.739</u>	<u>1.200.164.425</u>

### 15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngân hàng	211.414.338.853	251.155.057.473
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	-	135.980.824.477
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	115.236.502.535	115.174.232.996
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín <sup>(iii)</sup>	45.164.094.480	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(iv)</sup>	51.013.741.838	-
Vay dài hạn đến hạn trả	-	21.676.800.000
Cộng	<u>211.414.338.853</u>	<u>272.831.857.473</u>

<sup>(i)</sup> Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 11313001/HĐTĐHM ngày 05 tháng 01 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu. Chi tiết khoản vay như sau:

- Hạn mức vay : 220.000.000.000 VND

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Thời gian vay : không vượt quá 6 tháng cho mỗi lần nhận nợ vay
  - Lãi suất vay : bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 6 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh + biên độ 3%/năm, nhưng không được thấp hơn sản lãi suất cho vay VND theo phương thức cho vay thỏa thuận của Ngân hàng trong từng thời kỳ
  - Tài sản đảm bảo : Tín chấp
- (ii) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00310/2011/0000761 ngày 28 tháng 7 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 300.000.000.000 VND
  - Thời gian vay : 1 năm
  - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Tài sản đảm bảo : Thế chấp dây chuyền tinh luyện dầu thực vật 150 tấn/ngày và dây chuyền thiết bị chiết dầu chai nhựa tự động cho chai 05 lít, 1 lít, 0,4 lít, 0,2 lít.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1121500208 ngày 03 tháng 8 năm 2011 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 150.000.000.000 VND
  - Thời gian vay : 1 năm
  - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Tài sản đảm bảo : Tín chấp
- (iv) Vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận sửa đổi số HBVN070218 ngày 04 tháng 4 năm 2012 và Bản điều chỉnh VNM07120805 ngày 28 tháng 4 năm 2012 để bổ sung vốn lưu động. Chi tiết khoản vay như sau:
- Hạn mức vay : 5.800.000 USD
  - Thời gian vay : 3 năm
  - Lãi suất vay : Được xác định cho từng Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
  - Tài sản đảm bảo : Hàng tồn kho nhưng phải đảm bảo giá trị tồn kho không dưới 4.500.000 USD

#### Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	251.155.057.473	21.676.800.000	272.831.857.473
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	829.282.216.448	-	829.282.216.448
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(869.022.935.068)	(21.676.800.000)	(890.699.735.068)
Số cuối kỳ	<b>211.414.338.853</b>	<b>-</b>	<b>211.414.338.853</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 16. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV	327.741.677.307	249.584.016.938
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	427.263.276	270.750.920
Các nhà cung cấp khác	67.706.635.032	68.981.070.541
<b>Cộng</b>	<b><u>395.875.575.615</u></b>	<b><u>318.835.838.399</u></b>

### 17. Người mua trả tiền trước

Khoản trả trước của khách hàng về mua sản phẩm.

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	823.963.164	15.634.332.631	(12.900.262.932)	3.558.032.863
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.868.068.788	42.466.431.122	(51.665.296.270)	669.203.640
Thuế xuất, nhập khẩu	4.521.625.816	233.035.585	(4.754.661.401)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.452.013.384)	6.938.910.574	(984.121.116)	(6.497.223.926)
Thuế thu nhập cá nhân	557.552.515	2.734.699.088	(3.278.950.270)	13.301.333
Tiền thuê đất	-	641.350.621	(641.350.621)	-
Thuế tài nguyên	150.000	900.000	(900.000)	150.000
Thuế khác	-	711.600.000	(711.600.000)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.319.346.899</u></b>	<b><u>69.361.259.621</u></b>	<b><u>(74.937.142.610)</u></b>	<b><u>(2.256.536.090)</u></b>

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày trên chi tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước (xem thuyết minh số V.8).

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo quy định tại điểm 6, phần I, Thông tư số 130/2008/TT- BCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính, phần thu nhập tăng thêm do đầu tư Nhà máy dầu Phú Mỹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm đầu tiên dự án đi vào hoạt động.

Năm 2010 và 2011, khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Công ty xác định phần thu nhập tăng thêm được miễn giảm thuế căn cứ vào giá trị tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009. Tuy nhiên, theo Công văn số 3379/CT-TTHT ngày 14 tháng 5 năm 2012 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh, Công ty đã tạm xác định phần thu nhập tăng thêm được giảm thuế căn cứ vào giá trị tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho 6 tháng đầu năm 2012. Công ty đang làm công văn gửi Tổng Cục thể để làm rõ vấn đề này nhằm thực hiện đúng nghĩa vụ thuế phải nộp và chưa ghi nhận bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2010 và 2011. Nếu xác định thuế thu nhập phải nộp căn cứ vào nguyên giá tài sản đầu tư mới đến ngày 31 tháng 12 năm 2008, số thuế thu nhập phải nộp bổ sung cho năm 2010 và 2011 ước tính khoảng 4.500.000.000 VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.228.415.364	14.512.113.196
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	288.000.000	180.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(303.031.070)	(12.905.780.164)
Thu nhập chịu thuế	32.213.384.294	1.786.333.032
Thu nhập được miễn thuế	(288.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	31.925.384.294	1.786.333.032
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>7.981.346.074</b>	<b>446.583.258</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm cho phần thu nhập tăng thêm từ đầu tư mở rộng</b>	<b>(1.042.435.500)</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>6.938.910.574</b>	<b>446.583.258</b>

## Tiền thuế đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

## Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 19. Phải trả người lao động

Quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

## 20. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	188.083.605	849.727.981
Chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả	20.478.944.778	2.192.073.665
<b>Cộng</b>	<b>20.667.028.383</b>	<b>3.041.801.646</b>

## 21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	338.633.002	1.434.798.351
Kinh phí công đoàn	1.397.886.575	1.018.082.420
Cổ tức phải trả	42.995.000	84.050.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.146.960.000	204.000.000
Các khoản phải trả khác	239.977.728	12.109.404.963
<i>Trong đó, chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả</i>	<i>231.897.049</i>	<i>12.057.374.285</i>
<b>Cộng</b>	<b>3.166.452.305</b>	<b>14.850.335.734</b>

## 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.299.530.962	841.003.152	(628.200.000)	2.512.334.114
Quỹ phúc lợi	2.336.367.636	420.501.576	(163.222.300)	2.593.646.912
<b>Cộng</b>	<b>4.635.898.598</b>	<b>1.261.504.728</b>	<b>(791.422.300)</b>	<b>5.105.981.026</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 01/2005/93451/HĐ ngày 24 tháng 10 năm 2005 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 24 tháng + 2%/năm.	-	29.855.817.648
Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng vay số 310/2010/0000925 ngày 19 tháng 7 năm 2010 với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,4%/năm.	-	3.102.400.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>32.958.217.648</b>

#### *Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	32.958.217.648	54.007.817.648
Số tiền vay thanh toán trong kỳ	(32.958.217.648)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>54.007.817.648</b>

### 24. Vốn chủ sở hữu

#### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### *Cổ tức*

Trong kỳ Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông là 30.409.375.000 VND (kỳ trước là 37.960.400.000 VND).

#### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.980.200	18.980.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.980.200	18.980.200
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯƠNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.936.711.428.768	2.164.263.564.143
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	6.642.375.226	11.138.626.323
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	1.930.069.053.542	2.153.124.937.820
Các khoản giảm trừ doanh thu	(8.161.958.910)	(4.972.707.997)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(4.497.107.716)	(4.350.275.140)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(3.664.851.194)	(622.432.857)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.928.549.469.858</b>	<b>2.159.290.856.146</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	6.642.375.226	11.131.697.723
<i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	1.921.907.094.632	2.148.159.158.423

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	6.917.466.893	11.321.578.541
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.754.964.900.541	1.961.088.437.154
<b>Cộng</b>	<b>1.761.882.367.434</b>	<b>1.972.410.015.695</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	655.884.639	804.019.720
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	839.864.872	1.139.277.929
Cổ tức được chia	288.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.783.749.511</b>	<b>1.943.297.649</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.671.224.393	26.236.376.877
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.167.672.046	5.408.588.677
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá chứng khoán	(576.000.000)	384.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.262.896.439</b>	<b>32.028.965.554</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.158.257.578	8.365.552.758
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	471.829.338	374.501.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	340.213.092	78.460.650
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.750.142.956	12.521.941.522
Chi phí khác	84.639.163.002	92.009.174.962
<b>Cộng</b>	<b>107.359.605.966</b>	<b>113.349.631.080</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.240.319.621	9.051.145.084
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	576.385.254	439.493.965
Chi phí khấu hao tài sản cố định	468.138.160	354.811.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.014.932.695	16.431.637.937
Chi phí khác	3.140.406.319	3.467.920.368
<b>Cộng</b>	<b>17.440.182.049</b>	<b>29.745.008.413</b>

### 7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền hoàn thuế nhập khẩu	-	245.446.353
Thu thanh lý TSCĐ	-	493.727.272
Thu tiền bảo hiểm bồi thường	495.399.099	17.393.025
Thu nhập khác	441.942.054	60.847.130
<b>Cộng</b>	<b>937.341.153</b>	<b>817.413.780</b>

### 8. Chi phí khác

Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	25.230.094.561	14.065.529.938
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.230.094.561	14.065.529.938
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.980.200	18.980.200
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.329</b>	<b>741</b>

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.643.794.976.493	2.731.032.157.340
Chi phí nhân công	47.770.211.595	42.264.337.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.754.818.697	14.137.869.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.125.865.284	49.802.860.919
Chi phí khác	87.784.751.416	98.515.064.478
<b>Cộng</b>	<b>2.831.230.623.485</b>	<b>2.935.752.290.131</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch với các bên liên quan

##### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.802.789.000	2.452.234.000
Tiền thưởng, phụ cấp	142.100.000	768.390.000
<b>Cộng</b>	<b>1.944.889.000</b>	<b>3.220.624.000</b>

##### *Giao dịch với các bên liên quan*

Các bên liên quan với Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần dầu thực vật Tân Bình	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần Trích ly dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần thương mại dầu thực vật	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV
Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật	Công ty liên kết của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV

Trong kỳ Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV</b>		
Bán thành phẩm	-	912.000.000
Mua nguyên liệu	1.123.311.699.370	1.295.430.557.460
<b>Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật</b>		
Mua nguyên liệu, bao bì	1.717.926.575	1.530.041.747
Chi phí gia công phải trả	430.920.000	1.302.022.242

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm
<b>Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - Công ty TNHH MTV</b>			
Mua nguyên liệu	327.741.677.307		249.584.016.938
<b>Công ty Cổ phần bao bì dầu thực vật</b>			
Gia công, mua nguyên liệu và bao bì	427.263.276		270.750.920
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>328.168.940.583</b>		<b>249.854.767.858</b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tất cả các giao dịch với Công ty mẹ là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế và có phê duyệt của các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 2. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	499.761.250	499.761.250
Trên 1 năm đến 5 năm	1.999.045.000	1.999.045.000
Trên 5 năm	13.133.611.125	13.383.491.750
<b>Cộng</b>	<b><u>15.632.417.375</u></b>	<b><u>15.882.298.000</u></b>

Công ty thuê đất tại Nhà máy dầu Tường An (Tân Bình) và Nhà máy dầu Vinh (Nghệ An) dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê đất ở Nhà máy dầu Tường An có hiệu lực trong khoảng từ năm 1996 đến năm 2046, hợp đồng thuê đất ở Nhà máy Vinh có hiệu lực từ năm 2002 đến năm 2032 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất được thanh toán theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Kinh doanh dầu đặc: chủ yếu cung cấp các sản phẩm dầu công nghiệp.
- Kinh doanh dầu chiên xào: cung cấp sản phẩm thiết yếu để tiêu dùng hàng ngày.
- Kinh doanh dầu cao cấp: sản phẩm có độ dinh dưỡng cao.

Thông tin về kết quả kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Dầu đặc</u>	<u>Dầu chiên xào</u>	<u>Dầu cao cấp</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	83.542.613.546	1.697.445.313.494	113.251.986.583	34.309.556.235	1.928.549.469.858
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>83.542.613.546</u></b>	<b><u>1.697.445.313.494</u></b>	<b><u>113.251.986.583</u></b>	<b><u>34.309.556.235</u></b>	<b><u>1.928.549.469.858</u></b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.584.895.300	28.670.014.885	13.908.833.475	13.143.752.798	59.307.496.458
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(17.440.182.049)

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Dầu đặc</u>	<u>Dầu chiên xào</u>	<u>Dầu cao cấp</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					41.867.314.409
Doanh thu hoạt động tài chính					1.783.749.511
Chi phí tài chính					(12.262.896.439)
Thu nhập khác					937.341.153
Chi phí khác					(97.093.270)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(6.938.910.574)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(59.410.229)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>25.230.094.561</b>
<b>Kỳ trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	100.285.568.378	1.908.707.490.835	109.595.836.078	40.701.960.855	2.159.290.856.146
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>100.285.568.378</b>	<b>1.908.707.490.835</b>	<b>109.595.836.078</b>	<b>40.701.960.855</b>	<b>2.159.290.856.146</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.864.544.691	34.752.692.492	15.150.464.951	10.763.507.237	73.531.209.371
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(29.745.008.413)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					43.786.200.958
Doanh thu hoạt động tài chính					1.943.297.649
Chi phí tài chính					(32.028.965.554)
Thu nhập khác					817.413.780
Chi phí khác					(5.833.637)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(446.583.258)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>14.065.529.938</b>

Các tài sản của Công ty được dùng chung để sản xuất các sản phẩm. Do đặc điểm kinh doanh nên Công ty không theo dõi nợ phải trả cho từng lĩnh vực kinh doanh.

### **Khu vực địa lý**

Phần lớn các sản phẩm của Công ty được tiêu thụ tại Việt Nam.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.205.584.156	103.697.565.833	46.205.584.156	103.697.565.833
Phải thu khách hàng	68.683.419.234	55.778.379.433	68.683.419.234	55.778.379.433
Các khoản phải thu khác	635.312.678	651.979.345	635.312.678	651.979.345
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.824.000.000	1.248.000.000	2.035.200.000	1.248.000.000
<b>Cộng</b>	<b>117.348.316.068</b>	<b>161.375.924.611</b>	<b>117.559.516.068</b>	<b>161.375.924.611</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	211.414.338.853	305.790.075.121	211.414.338.853	305.790.075.121
Phải trả người bán	395.875.575.615	318.835.838.399	395.875.575.615	318.835.838.399
Các khoản phải trả khác	40.641.059.541	31.164.983.519	40.641.059.541	31.164.983.519
<b>Cộng</b>	<b>647.930.974.009</b>	<b>655.790.897.039</b>	<b>647.930.974.009</b>	<b>655.790.897.039</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 5. Tài sản đảm bảo

#### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.9 và V.15). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	85.343.701.643
Máy móc thiết bị	8.769.115.239	112.299.538.183
Quyền sử dụng đất	-	15.738.955.889
<b>Cộng</b>	<b>8.769.115.239</b>	<b>213.382.195.715</b>

Ngoài ra, Công ty còn thế chấp hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) với giá trị không dưới 4.500.000 USD.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến sử dụng các tài sản thế chấp này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## 6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

### *Phải thu khách hàng*

Công ty chỉ cấp tín dụng cho khách hàng sau khi đã kiểm tra khả năng thanh toán của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn yêu cầu khách hàng phải có giấy bảo lãnh của ngân hàng (trừ việc chấp nhận tín chấp cho một số khách hàng có uy tín như các công ty và các siêu thị). Trong công tác quản lý công nợ, kế toán thanh toán luôn theo dõi và thông báo cho các khách hàng các khoản nợ đến hạn theo định kỳ và hợp đồng đã ký kết. Trên cơ sở này và khoản phải thu liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

## 7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Vay và nợ	215.075.564.942	-	215.075.564.942
Phải trả người bán	395.875.575.615	-	395.875.575.615
Các khoản phải trả khác	40.641.059.541	-	40.641.059.541
<b>Cộng</b>	<b>651.592.200.098</b>	<b>-</b>	<b>651.592.200.098</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay và nợ	305.256.186.405	41.854.015.913	347.110.202.318
Phải trả người bán	318.835.838.399	-	318.835.838.399
Các khoản phải trả khác	31.000.083.806	164.899.713	31.164.983.519
<b>Cộng</b>	<b>655.092.108.610</b>	<b>42.018.915.626</b>	<b>697.111.024.236</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

### 8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được giả định dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán ngắn hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá USD/VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 2.098.366.586 VND (kỳ trước giảm/tăng là 1.583.555.288 VND), vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty sẽ giảm/tăng 2.098.366.586 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm/ tăng 238.673.444 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của tỷ giá hối đoái kỳ này tăng so với kỳ trước do sự tăng lên của khoản vay ngắn hạn và phải trả người bán bằng ngoại tệ.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường và đàm phán với các Ngân hàng để có được các lãi suất có lợi nhất cho các khoản vay.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng 3.171.215.083 VND (kỳ trước giảm/tăng 2.078.022.231 VND) do sự tăng/giảm của chi phí lãi vay, vốn chủ sở hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ giảm/tăng 3.171.215.083 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm/tăng 4.898.281.343 VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự thay đổi của lãi suất kỳ này tăng so với kỳ trước do sự tăng lên của khoản vay có lãi suất thả nổi.

#### **Rủi ro về giá chứng khoán**

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2012

*Nguyễn Phương Thảo*

Nguyễn Phương Thảo  
Người lập biểu

*Vũ Đức Thịnh*

Vũ Đức Thịnh  
Kế toán trưởng



*Hà Bình Sơn*

Hà Bình Sơn  
Tổng Giám đốc





**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**

Địa chỉ: 48/5 Phan Huy Ích, Phường 15, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Phụ lục: Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	189.802.000.000	98.704.076.433	8.102.230.959	5.854.912.009	67.244.882.145	369.708.101.546
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	25.231.890.705	25.231.890.705
Trích lập các quỹ năm trước	-	2.523.189.071	-	1.261.594.535	(6.799.652.002)	(3.014.868.396)
Chi thường quỹ lý, điều hành	-	-	-	-	(1.756.000.000)	(1.756.000.000)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(37.960.400.000)	(37.960.400.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>189.802.000.000</b>	<b>101.227.265.504</b>	<b>8.102.230.959</b>	<b>7.116.506.544</b>	<b>45.960.720.848</b>	<b>352.208.723.855</b>
Số dư đầu năm nay	189.802.000.000	101.227.265.504	8.102.230.959	7.116.506.544	45.960.720.848	352.208.723.855
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	25.230.094.561	25.230.094.561
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	2.523.009.456	-	1.261.504.728	(5.046.018.912)	(1.261.504.728)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(30.368.320.000)	(30.368.320.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>189.802.000.000</b>	<b>103.750.274.960</b>	<b>8.102.230.959</b>	<b>8.378.011.272</b>	<b>35.776.476.497</b>	<b>345.808.993.688</b>

*Nguyễn Phương Thảo*

**Nguyễn Phương Thảo**  
**Người lập biểu**

*Vũ Đức Thịnh*

**Vũ Đức Thịnh**  
**Kế toán trưởng**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2012



**Hà Bình Sơn**  
**Tổng Giám đốc**